

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác
hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 588/SGTVT-VTCN ngày 29 tháng 01 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 321/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003, Quyết định số 49/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận -

huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng
bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này quy định việc tổ chức quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt, xe đưa rước học sinh - sinh viên, công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và vận tải khách công cộng bằng xe buýt đến các tỉnh liền kề (gọi tắt là hoạt động xe buýt).

2. Văn bản này không điều chỉnh loại hình vận chuyển khách du lịch tham quan trên địa bàn thành phố bằng hình thức vận chuyển như xe buýt và xe đưa rước cán bộ, nhân viên do doanh nghiệp tự tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức có đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt theo quy định của pháp luật tham gia khai thác tuyến xe buýt (gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phân công quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

3. Các doanh nghiệp có liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

4. Khách đi xe buýt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vận tải khách công cộng bằng xe buýt* là hoạt động vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành.

2. *Tuyến xe buýt* là tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

a) *Tuyến xe buýt đô thị* là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tuyến trong đô thị;

b) *Tuyến xe buýt nội tỉnh* là tuyến xe buýt hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nối các thành phố, thị xã, huyện, khu công nghiệp, khu du lịch;

c) *Tuyến xe buýt liên kê* là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến các tỉnh liên kê, các khu công nghiệp, khu du lịch (điểm đầu, điểm cuối và lộ trình của một tuyến không vượt quá 2 tỉnh, thành phố; nếu điểm đầu hoặc điểm cuối thuộc đô thị loại đặc biệt thì tuyến không vượt quá 3 tỉnh, thành phố).

d) Ngoài các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe thông thường nêu tại điểm a, b, c khoản này, còn có các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng như sau:

- Tuyến chạy nhanh là tuyến xe chạy suốt từ điểm đầu đến điểm cuối tuyến hoặc chỉ dừng một số trạm trên tuyến;

- Tuyến xe chạy đêm;

- Tuyến xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân, viên chức...;

- Tuyến xe buýt được chạy trên làn đường dành riêng hoặc ưu tiên.

3. *Xe buýt* là ô tô chở khách có thiết kế từ 17 ghế trở lên và có diện tích sàn xe dành cho khách đứng (diện tích dành cho 1 khách đứng là $0,125m^2$) theo tiêu chuẩn quy định. Tại thành phố Hồ Chí Minh, xe 12 chỗ ngồi được đầu tư từ năm 2002, được phép hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt cho đến hết niên hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người.

4. *Điểm dừng xe buýt* là những vị trí xe buýt phải dừng để đón hoặc trả khách theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. *Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt* là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến.

6. *Kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt*: Ngoài hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho việc hoạt động của các phương tiện cơ giới và người đi bộ còn có: nhà ga hành khách, đầu mối trung chuyển khách đi xe buýt theo quy hoạch, làn đường xe buýt hoạt động, đường dành riêng, đường ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối,

trạm trung chuyển xe buýt, trạm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch sơn tại các điểm dừng, bãi đỗ dành cho xe buýt, các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động khai thác vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

7. *Biểu đồ chạy xe buýt trên một tuyến* là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe tham gia vận chuyển trên tuyến trong một thời gian nhất định.

8. *Người khuyết tật* là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

9. *Lệnh vận chuyển* là chứng từ để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng chuyến của tuyến xe buýt được trợ giá có xác nhận của nhân viên điều hành do doanh nghiệp phân công tại điểm đầu và điểm cuối của tuyến, cơ quan quản lý tuyến xe buýt thực hiện nhiệm vụ tái xác nhận.

Chương II

TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG XE BUÝT

Điều 4. Thông tin trên các kết cấu hạ tầng xe buýt

1. Đối với trạm dừng: phải ghi rõ tên tuyến, ghi số hiệu tuyến xe buýt, tên trạm dừng, giờ hoạt động của tuyến xe buýt, thời gian giãn cách, giá vé và thông tin về chuyển tuyến sang tuyến xe buýt khác.

Ngoài quy định này, các trạm dừng xe buýt dùng cho tuyến xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân, tuyến xe buýt nhanh được ghi thêm giờ chạy cụ thể trong ngày và có biểu trưng phân biệt các tuyến xe buýt được trợ giá, tuyến xe buýt không có trợ giá, xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân.

2. Đối với nhà chờ: phải thể hiện tên tuyến, ghi số hiệu tuyến xe buýt, thời gian hoạt động, hành trình chạy xe, lịch trình chạy xe, các số điện thoại nóng và bản đồ hướng dẫn hệ thống tuyến xe buýt.

3. Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, các bãi giữ xe cá nhân và trạm trung chuyển xe buýt: phải thể hiện số hiệu tuyến xe buýt, lộ trình, biểu đồ giờ, loại xe, doanh nghiệp phục vụ; kích thước và hình thức bản đồ tuyến xe buýt tùy thuộc vào vị trí và quy mô tại điểm cần bố trí do Sở Giao thông vận tải phê duyệt; phải có nhân viên điều hành để hướng dẫn hành khách, để kiểm tra, phối hợp hoạt động của xe buýt trên tuyến, thông tin liên lạc, tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý tuyến.

4. Từ năm 2011, tiến hành đầu tư xây dựng các bảng điện tử hiển thị thông tin

cho hành khách được biết tại các điểm kết nối giữa xe và các bến, trạm trung chuyển xe buýt, nhà chờ.

Điều 5. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt

1. Việc tổ chức đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt được thực hiện theo các nguồn vốn sau đây:

a) Vốn lắp đặt mới, di dời, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng trạm dừng, nhà chờ, biển báo được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp được duyệt;

b) Việc đầu tư trạm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến xe buýt được sử dụng từ nguồn vốn phát triển sự nghiệp của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng (sau đây viết tắt là TTQL&ĐHVTHKCC) hoặc các nguồn vốn huy động khác;

c) Khi thực hiện nhiệm vụ theo điểm a khoản này, TTQL&ĐHVTHKCC đảm bảo các thủ tục về tài liệu cơ sở trong quản lý, thanh toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách theo quy định hiện hành.

Các công trình khác phải thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư.

2. Quy định kỹ thuật:

a) Quy định kỹ thuật chung:

- Khoảng cách giữa các trạm dừng, nhà chờ xe buýt là từ 300 - 700 mét ở nội thành và từ 800 - 3.000 mét ở ngoại thành, tại mỗi điểm dừng phải có biển báo hiệu điểm dừng xe buýt theo quy định; lưu ý bố trí các điểm lập trạm dừng, nhà chờ ở những nơi đủ điều kiện thuận lợi giao thông, thu hút dân cư khu vực. Riêng bệnh viện, trường học có địa điểm thuận lợi có thể đặt trạm dừng, nhà chờ đến gần cửa ra vào, phải đảm bảo an toàn giao thông của khu vực và do Sở Giao thông vận tải cho phép. Tại các đường không có dải phân cách giữa, trạm dừng, nhà chờ không được đặt đối diện nhau, phải cách nhau tối thiểu 25 mét. Khoảng cách giữa các trạm dừng, nhà chờ trên các tuyến phục vụ cho các đối tượng riêng và các tuyến phục vụ cho các yêu cầu riêng do Sở Giao thông vận tải xem xét từng trường hợp; trạm dừng, nhà chờ xe buýt phải bố trí cách bờ mép giao lộ tối thiểu là 50 mét;

- Trạm dừng, nhà chờ phục vụ người khuyết tật sử dụng xe lăn phải xây dựng lối lên xuống thuận tiện cho xe lăn và có vị trí dành riêng cho người khuyết tật sử dụng xe lăn đậu chờ xe buýt;

- Trạm dừng, nhà chờ không được che chắn hoặc ảnh hưởng đến các biển báo

giao thông, đèn tín hiệu giao thông, các trụ nước cứu hỏa, các công trình dành riêng cho người khuyết tật, các công trình ngầm của các ngành viễn thông, truyền thông, điện lực, cấp thoát nước... trong phạm vi an toàn của đường sắt, trước công và trong phạm vi 5 mét hai bên công, trụ sở cơ quan, tổ chức; cũng không bị các công trình này che chắn kể cả cây xanh; trạm dừng, nhà chờ xe buýt không được lắp đặt tại những nơi cần bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông như các lãnh sự quán, khu ngoại giao, Ủy ban nhân dân các cấp, trụ sở cơ quan công an, ngân hàng, nhà thờ, đền, chùa...;

- Mỗi trạm dừng, nhà chờ xe buýt đều có số hiệu riêng và được thể hiện trên bản đồ để quản lý và thông tin cho hành khách đi xe buýt.

b) Quy định kỹ thuật riêng cho trạm dừng, biển treo, vạch dừng xe buýt:

- Vị trí lắp đặt trạm dừng, biển treo phải thích hợp với điều kiện thực tế của vỉa hè và khu vực xung quanh, bảo đảm có không gian thông thoáng, mỹ quan, dễ quan sát và có chừa lối đi trên lề cho khách bộ hành;

- Mỗi trạm dừng trên trục đường chỉ được bố trí tối đa cho 03 tuyến xe buýt sử dụng chung làm điểm dừng đón, trả khách; trường hợp nhiều hơn phải tổ chức tách và bố trí thêm trạm dừng cho phù hợp với biểu đồ tuyến xe buýt qua trạm tạo thuận lợi, an toàn cho xe buýt và hành khách; khoảng cách giữa 2 trạm dừng phải cách nhau từ 15 đến 30 mét trong một cụm điểm dừng đón, trả khách và trạm dừng của 2 đầu của cụm điểm dừng phải đảm bảo khoảng cách quy định tại điểm a khoản này;

- Đối với các tuyến xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân có địa điểm hẹn trước và các tuyến xe buýt nhanh phải bố trí trụ trạm dừng tại các điểm không trùng với trạm dừng của xe buýt trên tuyến và thuận tiện cho hành khách, đồng thời phù hợp an toàn giao thông; trường hợp phải bố trí trùng do Sở Giao thông vận tải quyết định.

c) Quy định riêng cho nhà chờ:

- Vỉa hè để lắp đặt nhà chờ xe buýt phải rộng từ 4 mét trở lên trong nội đô và từ 1,5 mét trở lên đối với khu vực ngoại ô. Nhà chờ xe buýt phải lắp đặt cách mép lề tối thiểu 1,5 mét trừ trường hợp vỉa hè có khoét lề và các vỉa hè khu vực ngoại ô.

- Trên các trục lộ quốc lộ thuộc quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải, nhà chờ xe buýt được lắp đặt trên dải phân cách rộng từ 1,2 mét trở lên và xe buýt lưu thông trên làn dành riêng kế cận dải phân cách;

d) Quy định riêng của vạch dừng xe buýt:

- Phải thực hiện đúng quy định Tiêu chuẩn ngành số đăng ký 22TCN-237-01 về “Điều lệ báo hiệu đường bộ” phần vạch số 1.17 có kẻ thêm chữ “xe buýt” (từ đỉnh này đến đỉnh kia của chữ M); phải sơn vạch phản quang để người điều khiển các phương tiện giao thông khác nhận biết.

- Chiều dài của ô dừng xe buýt tùy theo từng trường hợp cụ thể, từ 15 đến 30 mét, bảo đảm cho xe đón, trả khách được trật tự và an toàn.

đ) Quy định riêng khi khoét lề: Vĩa hè để khoét lề phải rộng từ 4 mét trở lên, phần vỉa hè còn lại sau khi cắt gọt phải có bề rộng lớn hơn 1,5 mét và chiều cao vỉa hè với mặt đường phải phù hợp để đảm bảo cho hành khách có nhu cầu đi lại thuận lợi.

3. Thời gian tối đa khắc phục hư hỏng kể từ khi được phát hiện hoặc giao nhiệm vụ:

a) Đối với trạm dừng, biển báo trên tuyến xe buýt:

Hạng mục công tác	Thời gian thực hiện
Di dời, thay thế hoặc lắp đặt	5 - 7 ngày
Tháo dỡ	1 ngày
Vệ sinh sơn mới	5 ngày
Bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ	2 - 5 ngày

b) Đối với nhà chờ xe buýt:

Hạng mục công tác	Thời gian thực hiện
Di dời, thay thế hoặc lắp đặt	10 - 15 ngày
Tháo dỡ	7 ngày
Vệ sinh sơn mới	10 ngày
Bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ	2 - 5 ngày

c) Trường hợp trạm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến xe buýt bị sự cố (gãy đổ, bảng trụ bị xô lệch hoặc thiếu mất thông tin...), TTQL&ĐHVTHKCC phải có biện pháp khắc phục ngay trong ngày.

4. Việc di dời trạm dừng, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho trạm dừng, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Việc quảng cáo trên các trạm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về đấu giá và sử dụng phần khấu hao cơ bản để tái đầu tư. Đối với nhà chờ lắp đặt trên vỉa hè và trên dải phân cách lớn hơn 2 mét, phải dành diện tích ít nhất 1,5m² để thực hiện đúng khoản 2 Điều 4 Quy định này (không tính diện tích bảng phụ trong trường hợp nhà chờ có bảng phụ); riêng nhà chờ đặt trên dải phân cách nhỏ hơn 2 mét, diện tích bảng thông tin do Sở Giao thông vận tải quy định. Tiền quảng cáo thu được, TTQL&ĐHVTHKCC được sử dụng chi theo thứ tự cho các khoản nộp ngân sách theo quy định; lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp sử dụng trong chi phí nghiệp vụ chuyên môn như đầu tư mới trạm dừng, nhà chờ xe buýt, in đề can thông tin, tuyên truyền xe buýt; chi thu nhập tăng thêm cho người lao động; lập 3 quỹ theo quy định và chi các khoản khác theo dự toán được Sở Giao thông vận tải phê duyệt hàng năm.

6. TTQL&ĐHVTHKCC có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh cho các cơ sở hạ tầng xe buýt.

Điều 6. Thời gian phục vụ

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe, đảm bảo tối thiểu 12 giờ/ngày.

2. Doanh nghiệp xe buýt căn cứ vào biểu đồ chạy xe để bố trí đúng loại xe chạy; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng trạm, nhà chờ quy định theo biểu đồ chạy xe đã công bố.

Điều 7. Phương tiện vận chuyên

1. Tiêu chuẩn xe buýt:

a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô đủ điều kiện theo Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06 của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2006; tuyệt đối không được làm ba-ga trên mui xe để hàng; trên xe phải có chuông điện báo hiệu lên xuống và có đủ tay vịn cho hành khách; phải dành 02 hàng ghế cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai, có màu riêng, trên đó có ghi chữ “ghế dành riêng”;

b) Đăng ký với Sở Giao thông vận tải về màu sơn của xe buýt;

c) Trên một số tuyến đường chật hẹp, lưu lượng hành khách thấp được sử dụng loại xe 12 chỗ ngồi theo niên hạn được quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này;

d) Trên một số trục lộ có dải phân cách hai bên rộng từ 1,2 mét trở lên phải tổ chức xe buýt lưu thông trên làn dành riêng kế cận dải phân cách, không được lưu thông trong làn xe 2 - 3 bánh;

đ) Xe buýt phải kê vạch chiều cao 1,3 mét tại cửa lên để phục vụ miễn phí cho trẻ em;

e) Đối với xe buýt phục vụ người khuyết tật phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật riêng được quy định tại Phần 2 Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06;

g) Xe buýt phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động.

2. Đặc điểm nhận dạng xe buýt:

a) Bên ngoài xe: ở phía trước và sau xe phải dán biểu trưng theo quy định, có bảng nêu rõ tên tuyến, ghi tuyến xe buýt bằng số; dọc theo hai thành xe phải thể hiện lộ trình, bến chính xe chạy qua. Khuyến khích các doanh nghiệp tự trang bị bảng tên tuyến, bảng lộ trình, mã số tuyến bằng đèn led;

b) Bên trong xe: phải có sơ đồ tuyến, niêm yết giá vé, cước hành lý và cách tính, nội quy chạy xe buýt và số điện thoại để giải đáp thắc mắc ở vị trí dễ nhìn;

c) Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

d) Nội dung niêm yết, kích thước, kiểu chữ, màu sắc, vị trí của các loại thông tin trên được TTQL&ĐHVTHKCC quy định, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện.

3. Số hiệu tuyến xe buýt:

a) Số hiệu tuyến xe buýt lưu thông trên địa bàn thành phố được đặt theo thứ tự thời gian của tuyến xe buýt mới mở;

b) Số hiệu tuyến xe buýt lân cận được đặt theo mã số đăng ký phương tiện của tỉnh có tuyến xe buýt mở đến; số tiếp theo là số thứ tự theo thời gian của tuyến mới mở.

4. Tần suất xe chạy:

a) Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt thuộc phạm vi đô thị không được vượt quá 30 phút/lượt xe xuất bến; trong trường hợp đặc biệt, nếu tần suất vượt quá quy định phải được sự đồng ý của Sở Giao thông vận tải;

b) Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt khác không được vượt quá 45 phút/lượt xe xuất bến.

5. Các chứng từ mang theo xe buýt:

Ngoài các loại giấy tờ mang theo xe được pháp luật quy định, xe buýt phải có lệnh vận chuyển để theo dõi hoạt động của các tuyến xe buýt có trợ giá.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Có 2 loại vé: vé lượt và vé bán trước.

2. Vé lượt là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt. Vé bán trước là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong một thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

3. Ngoài các loại vé nêu trên, giao cho Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định các loại vé cho các đối tượng ưu tiên, với giá vé thấp hơn hoặc miễn phí.

4. Vé trên các tuyến có trợ giá do Sở Giao thông vận tải phát hành, quản lý và cấp phát cho doanh nghiệp xe buýt; vé trên các tuyến không trợ giá do doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt phát hành, quản lý theo quy định.

5. Tiến đến việc áp dụng thẻ thông minh thay cho vé giấy.

Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

1. Lái xe buýt:

a) Tuyển dụng mới:

- Tiêu chuẩn về tuổi:

Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: nam từ 24 tuổi đến 55 tuổi, nữ từ 24 tuổi đến 50 tuổi;

Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: nam từ 27 tuổi đến 55 tuổi, nữ từ 27 tuổi đến 50 tuổi.

- Tiêu chuẩn về hạng giấy phép lái xe:

Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng D trở lên;

Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng E trở lên.

- Tiêu chuẩn về sức khỏe: Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ quan y tế quận - huyện cấp.

- Tiêu chuẩn về trình độ học vấn: Tốt nghiệp phổ thông cơ sở (9/12) trở lên, hệ chính quy hoặc bổ túc văn hóa.

- Tiêu chuẩn về nhân thân: phải có lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cấp.

- Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp và lớp bồi dưỡng hàng năm về nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

b) Đang hành nghề lái xe buýt:

Các lái xe buýt hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp xe buýt vẫn được tiếp tục hành nghề lái xe buýt nếu có giấy chứng nhận tập huấn do Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp và lớp bồi dưỡng hàng năm về nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, phải đạt được các tiêu chuẩn của lái xe buýt quy định về hạng giấy phép lái xe, về sức khỏe, về nhân thân; đến đầu năm 2014 phải đạt được trình độ học vấn theo Quy định này.

2. Nhân viên phục vụ trên xe buýt:

a) Vị trí, chức trách và nhiệm vụ của nhân viên phục vụ trên xe buýt:

Nhân viên phục vụ trên xe buýt phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này; nhân viên phục vụ trên xe buýt có nhiệm vụ:

- Bán vé đúng giá; xé và đưa vé cho hành khách; kiểm tra vé đúng quy định;
- Có thái độ phục vụ đúng mực, không phân biệt đối xử với hành khách sử dụng vé bán trước và người tàn tật;
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định.

b) Quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt:

- Đối với nhân viên tuyển dụng mới:

Tiêu chuẩn về tuổi: tuyển chọn nhân viên phục vụ trên xe buýt với tuổi tuyển dụng khởi đầu trong độ tuổi từ 18 tuổi đến 30 tuổi.

Tiêu chuẩn về sức khỏe: Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ quan quận - huyện cấp trong vòng 12 tháng nhưng không quá 2 tháng khi nộp hồ sơ xin việc.

Tiêu chuẩn về trình độ học vấn: Tốt nghiệp trung học cơ sở (9/12) trở lên, hệ chính quy hoặc bổ túc văn hóa.

Điều kiện về nhân thân: phải có lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cấp.

Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam cấp.

- Đối với nhân viên phục vụ trên xe buýt đang làm việc tại các doanh nghiệp:

Các nhân viên phục vụ trên xe buýt hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp vẫn được tiếp tục hành nghề nếu có giấy chứng nhận tập huấn do Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam cấp, phải đạt được các tiêu chuẩn của nhân viên phục vụ trên xe buýt quy định về sức khỏe, về nhân thân; đến đầu năm 2014 phải đạt được trình độ học vấn theo Quy định này.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt khi làm việc phải đeo bảng tên và mặc đồng phục, phải hiểu biết những quy định về vận tải khách, có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt, thông tin tuyến, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cho hành khách. Giúp lên xuống an toàn và ổn định chỗ ngồi cho hành khách, nhất là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai; không nhận chở xe đạp, xe 02 bánh gắn máy trên xe buýt, hàng hóa công kênh, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

Chương III

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC

CHO HOẠT ĐỘNG XE BUÝT

Điều 10. Trợ giá của Nhà nước

1. Cơ chế trợ giá cho tuyến xe buýt có trợ giá được quy định như sau:

- Phương thức trợ giá theo chuyến đối với từng tuyến, từng nhóm xe.
- Công thức tính: Kinh phí trợ giá = Tổng chi phí chuyến xe (đã tính lợi nhuận) - doanh thu khoán.

2. Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt theo kế hoạch của Sở Giao thông vận tải. Các tuyến xe buýt mới mở phải thực hiện đấu thầu khai thác tuyến xe buýt khi mở tuyến.

Điều 11. Hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng xe buýt

Thành phố tạo điều kiện cho TTQL&ĐHVTHKCC sử dụng các khu đất tại các quận - huyện để làm đầu mối trung chuyển hành khách đi xe buýt và bãi kỹ thuật xe buýt theo quy hoạch.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ

VẬN TẢI KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố, có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Phê duyệt quy hoạch, phát triển mạng lưới tuyến xe buýt, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng xe buýt.

b) Phê duyệt, công bố các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; công bố đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho hàng năm và cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về giá; xây dựng phương án giá vé xe buýt, xác định khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

c) Xác định mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.

d) Ban hành, bổ sung và sửa đổi quy định quản lý hoạt động xe buýt.

đ) Công bố các ưu tiên trong lưu thông của xe buýt.

e) Ban hành kế hoạch đầu tư cho hoạt động xe buýt bằng vốn ngân sách.

g) Ban hành các chính sách ưu đãi trong hoạt động xe buýt.

2. Sở Giao thông vận tải có quyền:

a) Giao nhiệm vụ kế hoạch hàng năm về vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

b) Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quy hoạch về tổ chức đầu mối doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xe buýt; phê duyệt kế hoạch đấu thầu; phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

d) Công bố các loại ưu tiên trong lưu thông của xe buýt trên từng tuyến đường cụ thể; ban hành nội quy đi xe buýt.

đ) Kiểm tra và xét duyệt quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

e) Công bố giá vé cụ thể cho từng luồng tuyến xe buýt trên cơ sở khung giá vé đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

g) Quyết định đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp xe buýt vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

h) Giám sát chất lượng hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt đối với doanh nghiệp và TTQL&ĐHVTHKCC.

i) Thông nhất với các Sở Giao thông vận tải có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt lân cận.

k) Quản lý Quỹ phát triển vận tải hành khách công cộng của thành phố.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính cho hoạt động xe buýt, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công, Sở Tài chính có quyền:

1. Thẩm định và thông báo thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.
2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Kho bạc Nhà nước trong việc quản lý hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.
3. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu khai thác tuyến xe buýt.
4. Thẩm định giá gói thầu của từng tuyến xe buýt.
5. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho hàng năm và cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về giá.

Chương V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN XE BUÝT

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải hành khách công cộng

1. TTQL&ĐHVTHKCC là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải:

- a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động xe buýt, bao gồm sản lượng,

phương tiện, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động xe buýt, xây dựng cơ bản, kiểm tra trên tuyến, thông tin tuyên truyền.

b) Các danh mục vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; mẫu trạm dừng, nhà chờ.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố.

2. TTQL&ĐHVTHKCC có quyền:

a) Quyết định mở tuyến mới bao gồm tuyến xe buýt được trợ giá và tuyến xe buýt không trợ giá; quyết định điều chỉnh lộ trình tuyến xe buýt; về số lượng xe kể cả số xe dự phòng cần cho mỗi tuyến xe buýt, về quy cách và chủng loại xe chạy trên từng tuyến; quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt không hiệu quả và không theo quy hoạch. Quyết định các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng. Quyết định mở mới, điều chỉnh và dừng hoạt động phải thực hiện theo quy trình hiện hành của Bộ Giao thông vận tải.

b) Quyết định biểu đồ chạy xe từng tuyến xe buýt.

c) Được điều chỉnh các thông số liên quan đến tuyến xe buýt trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, tiến hành thử nghiệm phân luồng giao thông;

- Thay đổi thời gian đóng mở tuyến cho phù hợp với nhu cầu đi lại;

- Tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại từng thời điểm trong ngày và trong những ngày lễ, Tết, các ngày khai giảng, thi tuyển các cấp.

d) Tổ chức đấu thầu chọn doanh nghiệp khai thác tuyến. Ký hợp đồng đặt hàng khai thác vận chuyển hành khách bằng xe buýt với các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt theo phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp khi tham gia vận tải khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt.

e) Quyết định kế hoạch, loại hình công tác thông tin, tuyên truyền cho hoạt động xe buýt.

g) Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ có thời hạn khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp xe buýt vi phạm quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt.

h) Quản lý hoạt động khai thác các tuyến xe buýt để đảm bảo mạng lưới xe buýt hoạt động theo đúng biểu đồ. Có quyền điều động đột xuất các xe buýt để giải tỏa các ách tắc, thiếu xe đột biến trong mạng lưới xe buýt.

i) Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển khách công cộng theo định kỳ.

k) Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên mạng lưới xe buýt. Thuê tư vấn nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu.

l) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp hoặc các đầu mối xe buýt theo quy định. Xác nhận, tái xác nhận kết quả vận chuyển các hoạt động vận chuyển xe buýt, làm cơ sở cho báo cáo thống kê, thanh quyết toán trợ giá. Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp xe buýt báo cáo quyết toán trợ giá xe buýt theo đúng thời gian quy định.

m) In, phân phối và kiểm tra lệnh vận chuyển của các doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt đối với các tuyến xe buýt có trợ giá.

n) Tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt.

o) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và quản lý cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt; Tổ chức thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các cơ sở hạ tầng này; Tổ chức, quản lý các bến bãi giữ xe miễn phí cho khách đi xe buýt.

p) Theo dõi quá trình hành nghề của nhân viên phục vụ trên xe buýt trên địa bàn thành phố. Xử lý và ra thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp danh sách các nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm quy định về hoạt động xe buýt trên cơ sở hợp đồng khai thác tuyến xe buýt; trao đổi với doanh nghiệp quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm về các trường hợp làm rõ sự việc trước khi tiến hành xử lý.

q) Tổ chức các kênh thông tin trực tuyến để vận động nhân dân đi xe buýt, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc hoặc các phản hồi của hành khách đi xe buýt.

r) Tổ chức họp định kỳ với các doanh nghiệp xe buýt để giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

s) Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết phản ánh của các doanh nghiệp xe buýt.

3. TTQL&ĐHVTHKCC có trách nhiệm đảm bảo các cơ sở hoạt động trên tuyến bao gồm có đầy đủ kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến; các kết cấu hạ tầng xe buýt phải có đầy đủ thông tin và thông tin kịp thời khi có điều chỉnh, thay đổi cho người dân và cho các doanh nghiệp xe buýt; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố về việc thiếu thông tin trên tuyến.

Chương VI

QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT - QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 15. Đăng ký hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Các doanh nghiệp khi muốn khai thác tuyến xe buýt phải đăng ký với TTQL&ĐHVTHKCC để được hướng dẫn thủ tục, kiểm tra năng lực và điều kiện tham gia.

Điều 16. Điều kiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Gồm các điều kiện:

1. Doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo luật định.
2. Có chức năng kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt và giấy phép kinh doanh vận tải vận tải khách công cộng bằng xe buýt.
3. Đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.
4. Được TTQL&ĐHVTHKCC đặt hàng tham gia hoạt động tuyến xe buýt hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt do TTQL&ĐHVTHKCC tổ chức.

Điều 17. Quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Được hưởng các quyền lợi quy định tại Chương VI Quy định này và các quyền lợi khác trong chính sách ưu đãi chung của thành phố đối với hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định.

2. Doanh nghiệp xe buýt được đặt hàng hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

3. Doanh nghiệp xe buýt được quyền khiếu nại các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng khai thác tuyến xe buýt của TTQL&ĐHVTHKCC do khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, tai nạn, hư hỏng đột xuất...

4. Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về vận chuyển khách bằng xe ô tô; về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị của Luật Giao thông đường bộ. Chịu trách nhiệm chính về đảm bảo chất lượng vận chuyển cho hành khách theo các điều khoản của hợp đồng khai thác tuyến xe buýt.

5. Được quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách cố tình vi phạm nội quy đi xe buýt.

6. Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn chuyên ngành vận tải từ trung cấp trở lên.

7. Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội dung nêu trong Quy định này. Cử nhân viên điều hành để đảm bảo hoạt động tuyến.

8. Doanh nghiệp khi tuyển dụng, tiếp nhận lái xe buýt mới, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn tại Điều 9 Quy định này để xét tuyển. Sau khi tuyển dụng phải ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Các trường hợp tuyển dụng mới và chấm dứt hợp đồng lao động đều phải thông báo cho TTQL&ĐHVTHKCC biết về hồ sơ cá nhân, bố trí công việc của họ vào tuyến xe cụ thể để theo dõi quá trình hành nghề, các thông tin về khen thưởng, kỷ luật, lý do chấm dứt hợp đồng lao động.

9. Không được bố trí nhân viên phục vụ trên xe buýt chưa qua đào tạo hoặc chưa có giấy chứng nhận tập huấn và không đảm bảo sức khỏe theo quy định.

Trường hợp do khách quan như giấy chứng nhận cấp chậm, chưa có lớp đào tạo, doanh nghiệp phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ trên xe buýt cho TTQL&ĐHVTHKCC biết và chưa xử lý các trường hợp này.

Không tiếp nhận vào làm việc tại doanh nghiệp mình các nhân viên phục vụ trên xe buýt nằm trong danh sách do TTQL&ĐHVTHKCC thông báo đã bị chấm dứt quan hệ lao động, bị sa thải từ các doanh nghiệp khác vì vi phạm quy định về hoạt động xe buýt.

10. Thực hiện báo cáo đúng quy định theo yêu cầu của TTQL&ĐHVTHKCC.

11. Phát hiện và báo kịp thời cho TTQL&ĐHVTHKCC về tình trạng hư hỏng kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến.

12. Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước số tiền trợ giá, phối hợp với TTQL&ĐHVTHKCC quyết toán trợ giá theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

13. Tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

Chương VII

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH ĐI XE BUÝT

Điều 18. Quyền lợi của hành khách

1. Khi đi lại bằng phương tiện xe buýt trên những tuyến xe buýt được thành phố trợ giá, hành khách được Nhà nước hỗ trợ chi phí thông qua việc quy định giá vé phù hợp với mức thu nhập chung của người dân thành phố. Trẻ em cao từ 1,3 mét trở xuống được miễn mua vé trên tất cả các tuyến xe buýt do thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Người khuyết tật được cấp thẻ đi xe buýt miễn phí trên tất cả các tuyến xe buýt do Sở Giao thông vận tải cấp theo danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe buýt đưa vé xe buýt hoặc hành khách tự nhận vé xe buýt khi đã trả tiền.

3. Hành khách được mang theo 10 kg hành lý xách tay không phải trả tiền cước. Trường hợp hành lý trên 10 kg thì thu tiền bằng 1 vé, riêng hành lý công kênh thì mỗi phần diện tích chiếm chỗ trên 0,10 m² thì thu thêm tiền bằng 1 vé.

4. Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt.

5. Được yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất đối với những thiệt hại do lái xe hoặc nhân viên phục vụ trên xe buýt gây ra theo quy định của pháp luật.

6. Được yêu cầu xử lý và được công bố kết quả xử lý các khiếu nại về các hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

7. Được góp ý về những ưu - khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

Điều 19. Nghĩa vụ của hành khách

1. Hành khách đi xe buýt chuẩn bị tiền lẻ, phải mua vé và phải xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát; không được sử dụng các loại vé không hợp pháp.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy đi xe buýt, sự hướng dẫn của lái xe,

nhân viên phục vụ trên xe, đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi xe giữ vệ sinh trên xe buýt và tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt; không mang theo những hàng bị cấm vận chuyển, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

Chương VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 20. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa doanh nghiệp và TTQL&ĐHVTHKCC được giải quyết trên cơ sở hòa giải do Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì; trường hợp không chấp nhận kết quả hòa giải, các bên liên quan được quyền đưa vụ việc ra Tòa kinh tế xét xử.

Chương IX

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khen thưởng

Các cơ quan, tổ chức quản lý tuyến, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp tích cực vào phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, thu hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyển, thì được khen thưởng theo quy định Nhà nước.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Đối với cán bộ, nhân viên ngành giao thông vận tải không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được quy định tại Quy định này sẽ bị xử lý theo Luật Cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm về thanh tra, kiểm tra hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của tuyến xe buýt, ngoài việc bị xử lý theo Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính còn bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật.

3. Hành khách và cá nhân vi phạm nội quy như mua bán trên xe, không mua vé xe buýt, xả rác trên xe hoặc gây mất trật tự và các hành vi khác đối với hành khách trên xe buýt thì bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức đoàn thể liên quan có trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 24. Chế độ báo cáo

Giao Sở Giao thông vận tải theo dõi tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý các vướng mắc, nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong quá trình thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài